TAND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 9 **/ 2017/ HNGĐ - ST**
Ngày: 14/ 9/ 2017.
V/v "Tranh chấp HN&GĐ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thủy
2. Ông Lê Hữu Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện S.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*** bà Lê Thị Hà Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/ 2017/ TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về Tranh chấp "Hôn nhân & gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/ 2017/ QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Đình K - SN: 1992.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Lê Thị H - SN: 1994.
Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh Nguyễn Đình K vắng mặt chị Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21/1/2017, bản tự khai của người khởi kiện là anh Nguyễn Đình K trình bầy:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H kết hôn với nhau vào ngày 22/02/ 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi tổ chức cưới vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Do giữa anh và chị H có nhiều điểm bất đồng không H hợp với nhau, dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng. Đến cuối tháng 3/2016 thì chị H bỏ về nhà bố, mẹ để ở cho đến nay, vợ chồng

sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản*:* Vợ chồng không có tài sản chung, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/4/2017 Tòa án nhân dân huyện S thụ lý vụ án, sau đó ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho chị Lê Thị H, đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành làm bản tự khai và các thủ tục theo quy định của pháp luật vào hồi 8 giờ ngày 19/4/ 2017 chị H nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Tòa để làm việc; tiếp đến ngày 20/4/2017 và ngày 28/4/ 2017 Tòa án lại tiếp tục có giấy triệu tập để chị H đến Tòa án để tiến hành làm bản tự khai nhưng chị H vẫn cố tình không đến.

Ngày 22/5/2017 Tòa án nhân dân huyện S xuống nhà bố, mẹ chị H nơi chị H đang ở để làm việc với chị H. Tòa án yêu cầu chị H làm bản tự khai nhưng chị H không làm. Tòa án lấy lời khai của chị H nhưng chị H cũng không khai. Chị H đã cố tình không khai báo và làm việc với Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện S đã nhiều lần triệu tập các đương sự đến trụ sở Tòa án để tiến hành về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải nhưng bị đơn chị Lê Thị H cố tình lẫn tránh, không đến Tòa. Cụ thể Tòa án triệu tập vào các ngày 22/5/2017 và ngày 24/7/2017. Tất cả các lần Tòa án triệu tập đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán. HĐXX cũng như việc chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù có mặt tại địa phương nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm việc. Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án. Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 BLTTDS. Khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình . Điều 3; điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí.

Về Hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình K được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về tố tụng*:* Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai, chị Lê Thị H là bị đơn phải có mặt tại phiên tòa nhưng chị H vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227của BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2}. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đình K và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Anh K có đơn xin ly hôn chị H không có mặt tại Tòa án. Qua thu thập chứng cứ tại nơi anh, chị thường trú thể hiện vợ chồng chung sống cũng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với nhau được hơn 1 tháng thì giữa anh K và chị H có nhiều điểm bất đồng không H hợp nhau rồi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Do vậy, HĐXX xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh K và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh K được ly hôn chị H.

{3}. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{4} Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xết xử không xem xét.

{5} Về án phí: Anh Nguyễn Đình K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 BLTTDS.

Căn cứ: Khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 3; điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí.

1. Về Hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình K được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh K không yêu cầu yêu giải quyết .

4. Về án phí: Anh K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số AA/ 2011/ 002431 ngày 04/ 4/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Anh K đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh K vắng mặt chị H. Báo cho anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thoan